



**BMW  
MOTORRAD**

# YOUR JOURNEY IS THE DESTINATION

**THE BMW R 1250 GS ADVENTURE**

## MÀU SẮC / COLORS

**BMW R 1250 GS ADVENTURE**  
Style Rallye



**BMW R 1250 GS ADVENTURE**  
Triple Black



**BMW R 1250 GS ADVENTURE**  
Edition "40 Years GS"



**TỪ**  
**709.000.000 VND**

Giá bán tham khảo (gồm VAT 10%) / Suggested Selling Price (incl. 10% VAT)

## HỖ TRỢ TRẢ GÓP

Thủ tục đơn giản nhanh chóng. (\*Liên hệ showroom gần nhất để biết thêm chi tiết.)

- Giá áp dụng cho xe có trang bị tiêu chuẩn theo thông báo của THACO, đã bao gồm thuế nhập khẩu, thuế TTĐB và thuế GTGT.
- Giá bán và thông số kỹ thuật có thể thay đổi do các điều kiện trên thay đổi.
- Hình ảnh của xe thực tế có thể khác so với hình ảnh minh họa.
- Thời gian bảo hành: 3 năm, không giới hạn km sử dụng.

**BMW Motorrad Sala**  
12 Mai Chí Thọ,  
Phường An Lợi Đông,  
Thành phố Thủ Đức,  
Thành phố Hồ Chí Minh.  
Hotline: 0901 188 088

**BMW Motorrad Nguyễn Văn Trỗi**  
78A Nguyễn Văn Trỗi,  
Phường 8,  
Quận Phú Nhuận,  
Thành phố Hồ Chí Minh.  
Hotline: 0938 099 971

**BMW Motorrad Long Biên**  
01 Ngô Gia Tự,  
Phường Đức Giang,  
Quận Long Biên,  
Thành phố Hà Nội.  
Hotline: 0901 836 567

**BMW Motorrad Đà Nẵng**  
356 Điện Biên Phủ,  
Phường Thanh Khê Đông,  
Quận Thanh Khê,  
Thành phố Đà Nẵng.  
Hotline: 0901 888 343

**Website:** [bmw-motorcycles.vn](http://bmw-motorcycles.vn)

**Facebook:** BMW Motorrad Vietnam

**MAKE LIFE A RIDE**

# THÔNG SỐ KỸ THUẬT

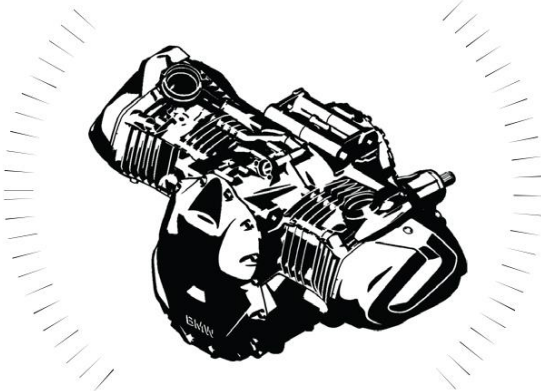
# TECHNICAL DATA

1.254<sub>cc</sub>

Dung tích động cơ/ Capacity

143 Nm  
tại 6.250 vòng/phút

Mô men xoắn cực đại/ Maximum torque



790 - 810<sub>mm</sub>

Chiều cao yên xe/ Seat height

136 Hp (100 kW)  
tại 7.750 vòng/phút

Công suất cực đại/ Maximum output

## ĐỘNG CƠ / ENGINE

- Loại động cơ / Engine : Động cơ Boxer 4 thì 2 xi lanh, làm mát bằng gió/chất lỏng. Công nghệ BMW ShiftCam. EURO 5.  
Air/liquid-cooled, twin-cylinder four-stroke boxer engine with double overhead spur-gear-driven camshaft and balance shaft. BMW ShiftCam technology. Compliant with EU5 emission standard.
- Dung tích động cơ / Capacity : 1.254 cc
- Công suất cực đại / Maximum output : 136 Hp (100 kW) tại 7.750 vòng/phút (rpm)
- Mô men xoắn cực đại / Maximum Torque : 143 Nm tại 6.250 vòng/phút (rpm)
- Lốp xe trước / Tire, front : 120/70 R 19
- Lốp xe sau / Tire, rear : 170/60 R 17

## TRANG BỊ TIÊU CHUẨN / STANDARD EQUIPMENT

- Công nghệ BMW ShiftCam / BMW ShiftCam Technology.
- 7 chế độ lái: ECO - Rain - Road - Dynamic - Dynamic Pro - Enduro - Enduro Pro / Pro Riding Modes.
- Đèn chiếu sáng ban ngày DRL / Daytime Riding Light.
- Đèn nghiêng theo góc lái mới / New Adaptive Cornering Light
- Đèn báo rẽ mới công nghệ LED / New LED turn indicator.
- Đèn LED bổ trợ sáng/ LED Auxiliary Headlight.
- Màn hình màu TFT 6.5 inches và Hệ thống kết nối thông minh Connectivity / BMW Motorrad Connectivity and 6.5" full-colour TFT display.
- Chìa khóa không dây thông minh / Keyless Ride.
- Hệ thống treo điều chỉnh điện tử DESA Thế hệ mới / Dynamic Electronic Suspension Adjustment - Next Gen.
- Hỗ trợ khởi hành ngang dốc HSC Pro / Hill Start Control Pro.
- Hỗ trợ sang số nhanh / Gear Shift Assistant Pro.
- Sưởi ấm tay lái / Heated Grips.
- Chức năng cảnh báo áp suất lốp RDC / Tyre Pressure Control.
- Chức năng kiểm soát hành trình / Cruise Control.
- Bảo vệ tay lái / Hand Protector.
- Tấm bảo vệ ổck máy dưới / Aluminium Bash Plate.
- Khung bảo vệ động cơ / Engine Protector Bar.
- Baga thùng sau / Luggage Rack.

## CÔNG NGHỆ AN TOÀN:

- Hệ thống chống bó cứng phanh ABS/ BMW Motorrad ABS
- Hệ thống chống bó cứng phanh trong cua nâng cao / Integral ABS Pro.
- Hệ thống chống trượt DTC / Dynamic Traction Control.
- Đèn phanh khẩn cấp chủ động DBL / Dynamic Brake Light.
- Kiểm soát phanh động cơ MSR / Dynamic Engine Brake Control.
- Chức năng hỗ trợ phanh khẩn cấp DBC / Dynamic Braking Control.

## KÍCH THƯỚC / DIMENSIONS

- Chiều cao yên xe / Seat height : 790 - 810 mm
- Chiều dài trục cơ sở / Wheelbase : 1.504 mm
- Dung tích bình xăng / Usable tank capacity : 30 lít
- Kích thước Dài x Rộng x Cao / Overall dimensions : 2.207 x 980 x 1.460 mm
- Trọng lượng xe / Unladen weight : 268 kg

## KHẢ NĂNG VẬN HÀNH / PERFORMANCE

- Mức tiêu thụ nhiên liệu / Fuel consumption : 4,75 lít/100 km
- Vận tốc tối đa / Maximum speed : 200 km/h

## TRANG BỊ TỰY CHỌN / OPTION EQUIPMENT

### PHIÊN BẢN GIỚI HẠN KỈ NIỆM 40 NĂM :

- Màu sơn 40 năm Option 719 / Edition 40 Years GS, Option 719.
- Kính chắn gió vàng 40 năm / Short windscreen, 40 Years GS.
- Ốp ổck máy 40 năm Option 719 / Cylinder Head Cover 40 Years GS, Option 719.
- Yên đen vàng 40 năm Option 719 / Seat Option 719, 40 Years GS.

#SPIRITOFFGS